

KHOAN DUNG TÔN GIÁO TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

TRẦN PHÚC THĂNG *

HOÀNG VĂN NGHĨA **

Tóm tắt: Bài viết phân tích quan niệm chung nhất về tôn giáo, hiện tượng đa tôn giáo trong thế giới hiện đại, xung đột tôn giáo và vai trò của tư tưởng khoan dung tôn giáo trong điều kiện tồn tại đa tôn giáo. Theo tác giả, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận người trong xã hội. Tuy nhiên, xung đột tôn giáo do nhiều nguyên nhân vẫn đang tồn tại trên thế giới. Để ngăn ngừa xung đột tôn giáo, xã hội cần phải có tinh thần khoan dung tôn giáo.

Từ khóa: Tôn giáo; khoan dung; xung đột; thế giới.

1. Tôn giáo - nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân

Tôn giáo, hiểu theo nghĩa sơ đẳng nhất, là niềm tin vào một quyền năng hay những lực lượng siêu nhiên được xem như là đấng tạo hóa và chúa tể của vũ trụ hay của con người. Tôn giáo, với ý nghĩa là một giáo lý, là hệ thống các niềm tin, giá trị và thực tiễn dựa trên thế giới quan và nhân sinh quan; lấy đối tượng nghiên cứu là những lực lượng siêu nhiên, phi trần thế, đồng thời phản ánh mối quan hệ giữa trần thế và thần thánh bằng cái nhìn siêu thế tục. Theo quan điểm Mác xít, tôn giáo là một hình thái của ý thức xã hội, một dạng thức của kiến trúc thượng tầng xã hội, *một mặt* là sự phản ánh tất yếu của tồn tại xã hội, của những điều kiện hiện thực xã hội sản sinh ra nó, *mặt khác* là sự phản ánh những bế tắc và bất lực của con người trước những lực lượng tự nhiên và xã hội. Trong lịch sử nhân loại, tôn giáo được nảy sinh rất sớm, cùng với sự

hình thành nhận thức của con người, những ý niệm đầu tiên của con người về thế giới và vũ trụ. Các nhà nghiên cứu lịch sử cho rằng, tôn giáo đã hình thành khoảng hơn 40.000 năm trước đây. Tôn giáo đặc biệt trở thành nhu cầu tất yếu và không thể thiếu được trong những xã hội còn tồn tại sự phân chia và đối kháng giai cấp, sự bất lực của con người trước những tác động của các hiện tượng tự nhiên và xã hội đến thân phận của mỗi cá nhân mà chưa được giải thích và làm sáng tỏ. C.Mác cho rằng, tôn giáo với tính cách là “trái tim của thế giới không có trái tim”, “thế giới quan lộn ngược”, “thuốc phiện của nhân dân”, nảy sinh do điều kiện của xã hội có đối kháng giai cấp sẽ mất đi cùng với sự tiêu vong của đấu tranh giai cấp và nhà nước.

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

(**) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, nhiều nhà xã hội học ngày nay khẳng định tôn giáo không chỉ nảy sinh và mang bản chất là thuộc tính của ý thức xã hội và kiến trúc thượng tầng, mà trên hết và trước hết tôn giáo (bên cạnh thuộc tính là nhu cầu nhận thức và sự giải tỏa tâm thức của con người) là một giá trị xã hội và giá trị văn hóa. Với ý nghĩa này, tôn giáo sẽ cùng tồn tại với sự tồn tại của con người. Như vậy, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần tất yếu và không thể thiếu được của bộ phận người trong một xã hội nhất định và điều kiện lịch sử nhất định. Chính vì lẽ đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta⁽¹⁾.

2. Tính đa dạng của tôn giáo trong thế giới hiện nay

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) và Diễn đàn các Tôn giáo thế giới, các tôn giáo chính trên thế giới hiện nay bao gồm: Kitô giáo (2,1 tỷ tín đồ); Hồi giáo (1,5 tỷ tín đồ); Ấn Độ giáo (900 triệu tín đồ); Đạo giáo (400 triệu tín đồ); Tôn giáo dân gian Trung Quốc (394 triệu tín đồ); Phật giáo (365 triệu tín đồ); Tôn giáo của các bộ tộc (300 triệu tín đồ); Nho giáo (150 triệu tín đồ); Tôn giáo truyền thống Châu Phi (100 triệu tín đồ); Thần đạo (30 triệu tín đồ); Đạo Sikh (23 triệu tín đồ); Do Thái giáo (14 triệu tín đồ); Bahá'í giáo (9 triệu tín đồ); Cao Đài (2,4

triệu tín đồ); Đạo Jain (1,2 triệu tín đồ),...

Cùng với các tôn giáo chính là hàng trăm và hàng nghìn các hình thức tôn giáo và tín ngưỡng khác cùng đan xen tồn tại trong đời sống tâm thức của con người trên hành tinh này. Mỗi bước tiến của con người, tiến bộ xã hội và trình độ văn minh lại là một nấc thang mới về nhận thức của họ về thế giới được xác lập. Dù vậy, nhu cầu về đời sống tinh thần được lý tính hóa dưới sự dẫn dắt của khoa học và công nghệ tiên tiến cũng không thể làm suy giảm niềm tin và đức tin vào Đấng sáng thế và tạo hóa như là sự khởi đầu và điểm kết thúc của vũ trụ. Bởi thế, xã hội ngày càng phát triển thì dường như càng xuất hiện những dạng thức mới về tôn giáo như là kết quả trực tiếp của nhu cầu nhận thức thế giới của mỗi cá nhân và cộng đồng người. Tính đa dạng của tôn giáo là sự phản ánh trực tiếp đời sống hiện thực của xã hội con người, là hình ảnh sinh động của thế giới được cấu thành từ sự đa dạng văn hóa, sự đa dạng về niềm tin, tín ngưỡng, quan điểm, chính kiến và hệ tư tưởng. Sức sáng tạo của con người được khởi nguồn từ sự đa dạng và phong phú về nhân cách, niềm tin, quan điểm và chính kiến. Một trong những hình thức phản ánh tính sáng tạo của con người nằm ở đời sống tinh thần mà dạng thức niềm tin tôn giáo hay thái độ

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

khoan dung đối với niềm tin tôn giáo sẽ góp phần định hướng bản chất chân - thiện - mỹ của mình.

3. Xung đột tôn giáo

Xung đột tôn giáo là một trong những hình thức của xung đột xã hội. Max Weber là một trong những nhà xã hội học đề cập khá thấu đáo về nguồn gốc và bản chất của xung đột tôn giáo qua tác phẩm nổi tiếng của ông *“Tập hợp các luận văn về xã hội học tôn giáo”* và *“Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”*. Lịch sử xã hội loài người cho thấy xung đột giữa các tôn giáo thường phản ánh những quá trình tương tác giữa các nhóm người mà lợi ích, niềm tin, giá trị của họ khác biệt hay đối kháng. Xung đột tôn giáo xét đến cùng là một hình thức của xung đột xã hội biểu hiện ra trên lĩnh vực tôn giáo.

Xung đột tôn giáo xảy ra mạnh mẽ nhất từ thời trung cổ ở Tây Âu. Sự thống trị của đạo Cơ đốc Châu Âu và các cuộc thập tự chinh của họ chống lại đạo hồi ở Tây Âu, Bắc Phi và Trung Đông vào thế kỷ XI - XIII; Tây Ban Nha và Đông Âu vào thế kỷ XV đã được xem là các cuộc xung đột tôn giáo lớn và tàn sát nhất trong lịch sử nhân loại.

Xung đột tôn giáo tiếp tục được mở rộng và chuyển hóa vào trong lòng xã hội của các quốc gia - dân tộc ở Châu Âu. Từ thế kỷ XIII đến XV ở Anh, thế kỷ XV - XVI ở Châu Âu, xung đột tôn giáo giữa Công giáo và Tin Lành đã cướp đi sinh mạng của hàng chục triệu

người. Thậm chí, cuộc xung đột tôn giáo dẫn đến cuộc tàn sát đẫm máu nhất gọi là cuộc chiến Ba mươi năm vào thế kỷ XVII (1618 - 1648) diễn ra ở nhiều nước Châu Âu thời kỳ được coi là cuộc đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn, xung đột về giá trị, niềm tin tôn giáo giữa các nhóm người, sắc tộc và quốc gia dân tộc.

Sự khác biệt về niềm tin và giá trị tôn giáo đã luôn là khởi nguồn cho những xung đột xã hội, trước hết biểu hiện dưới hình thức tôn giáo. Điều này vẫn còn là căn nguyên và nảy sinh cho đến tận ngày nay trên phạm vi toàn cầu. Chẳng hạn, suốt những thập niên từ giữa và cuối thế kỷ XX là thời kỳ của các cuộc xung đột tôn giáo ở Vương quốc Anh và Bắc Ai len, giữa Công giáo và Tin Lành không khác gì hơn là biểu hiện ở sự xung đột xã hội, phản ánh cội rễ của xung đột chính trị, xung đột giai cấp và xung đột lợi giữa các cộng đồng người.

Xung đột tôn giáo có mối liên hệ hết sức chặt chẽ với các hình thức xung đột xã hội khác, đặc biệt là xung đột chính trị và đấu tranh giai cấp, giải phóng giai cấp, dân tộc và toàn nhân loại.

Trên phạm vi toàn cầu, ngày nay, mâu thuẫn giữa các tín đồ Hồi giáo, Do Thái giáo và Kitô giáo cũng góp phần vào sự bất ổn định chính trị của khu vực Trung Đông hay căng thẳng giữa các tín đồ Tin Lành với Công giáo ở Bắc Ai len; giữa các tín đồ Ấn Độ giáo với đạo Sikh ở Ấn Độ...

Chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa

khủng bố và sự can thiệp quân sự của Hoa Kỳ cũng như Châu Âu, cùng với phong trào bài Mỹ và bài Do Thái, đã và đang trở thành tâm điểm ở khu vực Trung Đông cho thấy nguy cơ lan tràn của sự xung đột tôn giáo toàn cầu. Xung đột tôn giáo vừa là căn nguyên vừa là biểu hiện của những bất ổn, mâu thuẫn nảy sinh trong lòng xã hội của mỗi quốc gia khu vực Bắc Phi và Trung Đông. Nó chính là một hình thức tiềm tàng của xung đột xã hội. Thực tiễn cho thấy, chính sự xung đột về hệ tư tưởng, niềm tin, giá trị tôn giáo đã một mặt làm cố kết các cộng đồng người lại với nhau, nhưng mặt khác nó phá vỡ và đập tan các mối liên kết khác thống nhất các nhóm khác biệt về niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo với nhau. Nhiều chính phủ (như Ai Cập, Tuynidi, Libăng, Iraq,...) bị thay thế và rơi vào trạng thái đấu tranh quyền lực, xung đột chính trị gay gắt thực chất cũng bắt nguồn một phần từ xung đột tôn giáo trong lòng xã hội mà chính phủ không thể điều hòa được.

4. Việt Nam có xung đột tôn giáo hay không?

Ở Việt Nam có xung đột tôn giáo không? Câu trả lời thường là không. Tuy nhiên, những khác biệt về lợi ích, giá trị và niềm tin tôn giáo giữa các nhóm xã hội và cộng đồng người trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam ẩn chứa các mầm mống của xung đột xã hội nói chung và xung đột tôn giáo nói riêng. Thực tế cho thấy, thường không xảy ra những sự xung đột trực diện giữa các

tôn giáo lớn với nhau (chẳng hạn, giữa Nho giáo và Phật giáo, giữa Phật giáo với Tin Lành và Thiên Chúa giáo, hay giữa Hồi giáo với Thiên Chúa giáo...). Chẳng những thế, sự kết hợp hài hòa thâm thấu lẫn nhau của các tôn giáo còn tạo nên những nét đặc thù của tôn giáo Việt Nam. Hiện tượng “Tam giáo đồng nguyên” trong lịch sử dân tộc là điều ai cũng thấy rõ. Những hiện tượng xung đột xã hội liên quan đến tôn giáo ở giáo xứ Thái Hà (Hà Nội), giáo xứ Nghệ An, Bắc Giang,... chỉ là biểu hiện của những mâu thuẫn về đất đai hay các mâu thuẫn xã hội khác chứ không phải là xung đột tôn giáo. Đặc biệt những xung đột núp dưới vỏ đạo Tin Lành của cái gọi là “Nhà nước Đê ga” ở Tây Nguyên, Tin Lành ở Tây Bắc,... đều là những xung đột có động cơ chính trị rất rõ nét của thế lực thù địch nhằm chống lại Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam.

Tuy nhiên, do tác động của toàn cầu hóa, sự xâm nhập của các tôn giáo lạ, sự lợi dụng tôn giáo để gây mất ổn định xã hội đã tạo ra sự xung đột không kém phức tạp.

Những biến thái của các cuộc xung đột xã hội ở Việt Nam trong suốt hơn hai thập kỷ vừa qua (đặc biệt từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, cho thấy chúng thường gắn với quá trình phát triển kinh tế thị trường, đô thị hóa và phát triển nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cả quá trình toàn cầu hóa. Từ góc độ tiếp cận của lý thuyết tích hợp và tổng tích hợp cũng

như từ thực tế, có thể thấy rõ chân dung của các cuộc xung đột ấy không chỉ đơn thuần là các cuộc xung đột chính trị hay kinh tế mà còn là cả sự xung đột về văn hóa, về giá trị và hệ thống niềm tin, tín ngưỡng khác nhau của những cộng đồng người khác nhau, với những đặc tính văn hóa, truyền thống, lịch sử khác nhau. Điều này thể hiện rất rõ nét qua những hiện tượng xung đột giữa những người theo và không theo một hệ thống giá trị về niềm tin, tín ngưỡng nhất định. Chẳng hạn, đó là xung đột giữa tín ngưỡng bản địa (tục thờ linh vật, thờ cúng tổ tiên,...) với những tôn giáo du nhập từ bên ngoài hay giữa các tín ngưỡng, tôn giáo ngoại nhập khác nhau. Những xung đột này hiện nay chưa lớn, thậm chí còn ở trạng thái manh nha, song nếu không có những biện pháp phòng tránh kịp thời cũng có thể làm cho vấn đề trở nên phức tạp. Chính điều này đòi hỏi phải đi tìm những giải pháp thích hợp.

5. Khoan dung tôn giáo - giải pháp ngăn ngừa xung đột tôn giáo

Trong thế giới hiện đại, đa dạng hóa tôn giáo có xu hướng phát triển cùng với sự phát triển của việc bảo đảm quyền con người. Song, đa dạng hóa tôn giáo chỉ có thể tồn tại và phát triển trên nền tảng của tinh thần khoan dung nói chung và khoan dung tôn giáo nói riêng.

Khoan dung tôn giáo chính là một sự thừa nhận và tôn trọng việc thực hành tôn giáo và tín ngưỡng của người có điều kiện, hoàn cảnh khác nhau và niềm

tin khác nhau. Vì thế, khoan dung tôn giáo là cơ sở và tiền đề của một xã hội đa tôn giáo và đa văn hóa. Sự thiếu vắng của khoan dung tôn giáo trong nhận thức và hành vi ứng xử của con người, từ những nhà lập pháp, lãnh đạo, quản lý xã hội cho đến những người dân, các chủ thể thụ hưởng và sáng tạo giá trị văn hóa, tinh thần của xã hội sẽ là mầm mống dẫn đến chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, chủ nghĩa độc đoán, chuyên quyền, tội ác, chiến tranh và sự hủy diệt. Sự bất khoan dung tôn giáo sẽ phá hủy không chỉ tính đa dạng của tôn giáo mà còn phá hủy cả tính đa dạng của văn hóa, xã hội loài người, tinh thần kết đoàn và hòa hợp, cũng như làm triệt tiêu xu hướng xây dựng xã hội hài hòa, hòa bình, hợp tác và phát triển.

Một xã hội khoan dung tôn giáo sẽ có thể tạo ra môi trường tôn giáo mà ở đó niềm tin, tín ngưỡng và đức tin của mỗi cá nhân và nhóm xã hội đều được thừa nhận, tôn trọng và bảo đảm. Khoan dung tôn giáo và đa dạng tôn giáo có mối liên hệ mật thiết, thống nhất và tác động qua lại lẫn nhau. Khoan dung tôn giáo là điều kiện để nảy nở một xã hội đa tôn giáo cũng như một nền văn hóa đa dạng. Tuy nhiên, chính sự thực hành đa tôn giáo rộng rãi trong đời sống văn hóa và xã hội sẽ giúp nuôi dưỡng tinh thần khoan dung tôn giáo nói riêng và khoan dung nói chung của nền văn hóa. Do đó, đa dạng tôn giáo, đến lượt nó, trở thành một điều kiện để hình thành một nền văn hóa có tính khoan dung trong

đời sống cộng đồng.

Nhà triết học thần học người Mỹ, Philip Quinn (1940 - 2004), là một trong những người đầu tiên chỉ ra mối liên hệ mật thiết giữa đa dạng tôn giáo và khoan dung tôn giáo. Trong tác phẩm “Đa dạng tôn giáo và Sự khoan dung tôn giáo” xuất bản năm 2001, và tác phẩm “Về đa dạng tôn giáo và Tính khoan dung” xuất bản năm 2005, ông chứng minh về vai trò của đa dạng tôn giáo đối với sự hình thành tính khoan dung tôn giáo, khẳng định rằng sự phản ánh nghiêm túc về hiện thực không thể chối bỏ của sự đa dạng tôn giáo sẽ nhất định làm suy yếu sự phán quyết của cá nhân đối với việc tin rằng quan điểm tôn giáo của người này là tối cao hơn người khác và những sự biện minh yếu ớt ắt có thể, đối với một số người. Điều đó sẽ dẫn đến sự khoan dung tôn giáo rộng rãi hơn; chẳng hạn, sẽ dẫn đến một thái độ chấp nhận nhiều hơn nhưng ít đòi hỏi hơn đối với những tôn giáo khác⁽²⁾. Quinn đặc biệt tin tưởng vào việc thực hành đa dạng tôn giáo sẽ nuôi dưỡng tính khoan dung tôn giáo và một nền văn hóa dựa trên khoan dung.

Nhiều học giả tán đồng với cách tiếp cận của Quinn về “con đường từ đa dạng đến sự khoan dung”, chẳng hạn như Basinger (2007), khẳng định rằng việc đề cao sự đa dạng tôn giáo sẽ nuôi dưỡng nhân cách của mỗi người về một sự tôn trọng rộng lớn hơn đối với những chủ thể nhận thức có quan điểm và cách tiếp cận đối lập với mình, nó cũng giúp

cho việc hình thành một sự hiểu biết linh hoạt và bao hàm hơn về quan điểm của chính mình. Đồng thời, chính sự đa dạng tôn giáo sẽ tạo ra sự tôn trọng đối với người khác và giúp người khác cũng có một cách hiểu bao hàm hơn trong các quan điểm của chính họ và như vậy sẽ làm giảm bớt đi những hành vi tôn giáo bất khoan dung và không phù hợp⁽³⁾.

Như vậy, việc thực hành đa dạng tôn giáo giúp hình thành sự khoan dung tôn giáo và tính khoan dung trong nhân cách của cá nhân và văn hóa của xã hội. Đa dạng tôn giáo và khoan dung tôn giáo là một trong những đòi hỏi cấp thiết nhất của việc xây dựng một nền văn hóa tôn trọng và bảo đảm nhân quyền trước bối cảnh thế giới hiện đại đầy nghịch lý, bạo lực và khuynh hướng cực đoan và độc đoán.

6. Kết luận

Thừa nhận tính đa dạng của tôn giáo trong đời sống xã hội đã khó, nhưng thừa nhận sự tồn tại cũng như những chân giá trị của tôn giáo khác với thái độ khoan dung, độ lượng còn khó hơn. Tuy nhiên, thái độ của chúng ta về vai trò của sự đa dạng tôn giáo trong đời sống xã hội, sự bảo tồn và phát huy tính đa dạng văn

⁽²⁾ Quinn, P., (2001), “Religious Diversity and Religious Toleration,” *International Journal for the Philosophy of Religion*, 50: 57 - 80.

⁽³⁾ Basinger, D. (2008) “How Religious Diversity Can and Does Foster Religious Tolerance,” in *Religious Tolerance Through Epistemic Humility: Thinking With Philip Quinn*, J. Kraft and D. Basinger, (eds.), Burlington, VT: Ashgate Publishing Company.

hóa, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với việc tôn trọng, bảo đảm các quyền và tự do cơ bản của mỗi người, đặc biệt là quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng...

Tất nhiên, quyền con người bao giờ cũng phải thống nhất với nghĩa vụ. Quyền tự do của con người vừa mang tính đạo đức vừa mang tính luật định. Bởi vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không thể thoát ly khỏi tính quy định của luật pháp quốc gia và quốc tế, không thể tách rời với truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của mỗi quốc gia. Tự do tín ngưỡng và tôn giáo của người Việt Nam phải luôn được thực hành trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Mặc dù pháp luật của Việt Nam quy định "trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó" (Điều 38 của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004), về cơ bản khi Nhà nước Việt Nam tham gia một điều ước quốc tế về quyền con người, trách nhiệm của Nhà nước là phải nội luật hóa những quy định quốc tế ấy vào trong hệ thống pháp luật quốc gia của mình, cũng như thực thi tất cả những biện pháp cần thiết về lập pháp, tư pháp và hành pháp để bảo đảm những cam kết ấy cho người dân của mình. Thực tiễn cải cách hệ thống luật pháp, tư pháp và hành pháp của Việt Nam trong những năm qua đã thể hiện rõ tinh thần tôn trọng và thực thi

ng nghiêm túc những cam kết quốc tế của Nhà nước Việt Nam.

Các quyền con người là một thể thống nhất hữu cơ, chúng phụ thuộc lẫn nhau và không thể tách rời nhau. Vì thế, cần bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở của việc đảm bảo tổng thể các quyền và tự do cơ bản khác của công dân. Thành tựu và bước tiến về sự bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, trước hết phụ thuộc vào mức độ thụ hưởng hiệu quả tổng thể các quyền con người nói chung.

Vì vậy, tăng cường xây dựng và hoàn thiện các thể chế, các cơ chế để bảo đảm, thực thi và giám sát hiệu quả, cùng với hệ thống khung chính sách, pháp luật đầy đủ, song song với việc tăng cường phổ biến, giáo dục và tuyên truyền về pháp luật, quyền con người, sẽ đóng vai trò tiên quyết trong việc giải quyết hiệu quả xung đột xã hội nói chung và xung đột tôn giáo nói riêng ở nước ta trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát triển.

Tài liệu tham khảo

1. (1995), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1946, 1959, 1980, 1992*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2009), Báo cáo về "Thành tựu về Công tác Tôn giáo góp phần tích cực trong Công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền từ năm 1992 đến nay".
3. Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), Sách Trắng về Nhân quyền, xem <http://www.mofa.gov.vn>.

